

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TẬP ĐOÀN AN NÔNG

## Assessment of business performance at An Nong Group

Dương Hoa<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam  
dhoa92@gmail.com

**Tóm tắt** — Bên cạnh những mặt đạt được, hoạt động kinh doanh tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông thời gian qua vẫn còn một số hạn chế về sự biến động lợi nhuận qua các năm. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty giai đoạn 2021 - 2023, tác giả đề xuất một số giải pháp như: Nâng cao khả năng sinh lời của công ty, hoàn thiện công tác quản trị tài chính, ... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại công ty trong thời gian tới.

**Abstract** — Besides the achievements, business activities at An Nong Group in recent times still have some limitations in terms of profit fluctuations over the years. Based on the analysis and assessment of the current state of business performance at the company in the period 2021 - 2023, the author proposes a number of solutions such as: Improving the company's profitability, perfecting management financial management, ... to improve business performance at the company in the coming time.

**Từ khóa** — Hiệu quả, hoạt động kinh doanh, An Nông, efficiency, business activities.

### 1. Đặt vấn đề

Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh là một trong những mục tiêu quan trọng của các doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông, với chức năng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, giai đoạn 2021 - 2023 đã đạt được kết quả tốt, cụ thể: Lợi nhuận năm 2021 là 7.098 triệu đồng, năm 2022 là 7.270 triệu đồng và năm 2023 là 8.724 triệu đồng. Tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Xuất phát từ lý do trên, bài viết này được thực hiện nhằm đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông trong thời gian tới.

### 2. Thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông

#### 2.1. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Theo Gupta (1969), hiệu quả hoạt động kinh doanh là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực để đạt được mục tiêu đã đặt ra, nó biểu hiện mối tương quan giữa kết quả thu được và những chi phí

bỏ ra để có được kết quả đó, độ chênh lệch giữa hai đại lượng này càng lớn thì hiệu quả càng cao.

Hiệu quả là kết quả đạt được trong hoạt động kinh tế, là doanh thu tiêu thụ hàng hóa. Trong quan điểm này nhà kinh tế người Anh đã đánh đồng hiệu quả và kết quả mà thật ra giữa chúng có sự khác biệt. Các mức chi phí khác nhau mà mang lại cùng một kết quả thì có hiệu quả như nhau. Như vậy Smith mới chỉ quan tâm đến kết quả đầu ra mà chưa quan tâm đến các yếu tố đầu vào (Smith, 1776).

Theo Phạm Văn Dược (2007), hiệu quả kinh doanh là một phạm trù kinh tế, phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực sẵn có của doanh nghiệp để đạt được kết quả cao nhất trong kinh doanh với chi phí thấp nhất.

Theo Phạm Vũ Luận (2001), trên cơ sở xây dựng các nguyên tắc để xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, việc đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh được thực hiện qua các chỉ tiêu: Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội; Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính; Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng lao động.

Hiệu quả sản xuất diễn ra khi xã hội không thể tăng sản lượng một loại hàng hóa

mà không cắt giảm sản lượng của một loại hàng hóa khác. Một nền kinh tế có hiệu quả nằm trên giới hạn khả năng sản xuất của nó (Samuelson & Nordhaus, 1991). Thực chất quan điểm này đã đề cập tới khía cạnh phân bổ có hiệu quả các nguồn lực của nền sản xuất xã hội, và nền kinh tế được xem là có hiệu quả khi việc phân bổ các nguồn lực kinh tế sao cho đạt được việc sử dụng mọi nguồn lực trên đường giới hạn khả năng sản xuất.

Theo Zeitun & Tian (2007), hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh phải bảo đảm sự kết hợp hài hoà các loại lợi ích xã hội, lợi ích tập thể, lợi ích người lao động, lợi ích trước mắt, lợi ích lâu dài. Đánh giá hiệu quả kinh doanh phải căn cứ vào cả mặt hiện vật lẫn giá trị của hàng hoá. Do đó việc

tính toán và đánh giá hiệu quả phải đồng thời chú trọng cả hai mặt hiện vật và giá trị.

Trong từng đơn vị cơ sở khi xem xét đánh giá hiệu quả kinh doanh phải coi trọng toàn bộ các khâu của quá trình kinh doanh. Đồng thời phải xem xét đầy đủ các mối quan hệ tác động qua lại của các tổ chức, các lĩnh vực trong một hệ thống theo một mục tiêu đã xác định (Samuelson, 1948). Có nghĩ rằng khi đánh giá và xác định biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh phải xuất phát từ đặc điểm, điều kiện kinh tế – xã hội của ngành, của địa phương và của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

## 2.2. Thực trạng hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông

**Bảng 1. Chỉ tiêu hiệu quả mức sinh lời giai đoạn 2021-2023**

DVT: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.098	6.170	7.404
2. Tổng tài sản bình quân	246.064	237.812	286.412
3. Vốn chủ sở hữu bình quân	168.054	128.259	121.377
4. Doanh thu thuần	368.709	335.227	375.454
5. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu ROS = (1) / (4)	1,93	1,84	1,97
6. Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản ROA = (1) / (2)	2,88	2,59	2,59
7. Hệ số sinh lời của vốn chủ sở hữu ROE = (1)/(3)	4,22	4,81	6,10

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Căn cứ vào bảng tính toán ở bảng 1 tác giả có những đánh giá về khả năng sinh lời đối với Công ty TNHH Tập đoàn An Nông như sau:

**Đối với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):** Từ năm 2021 đến năm 2023, hệ số ROS luôn ổn định trong khoảng 0,02. Cho thấy, công ty đã duy trì việc quản lý chi phí hiệu quả trong giai đoạn này. Mặt khác tỷ số này tăng ở năm 2023, là nhờ công ty cân đối, thực hiện các chính sách chiết khấu cũng như hỗ trợ đại lý trong việc bán hàng tiêu thụ chậm phù hợp hơn, làm cho các khoản giảm trừ doanh thu giảm đáng kể.

**Đối với tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA):** Từ năm 2021 - 2023, hệ số ROA giao động nhẹ, từ 2,88% ở năm 2021 và ổn định ở mức 2,59% năm 2022, 2023. Mặc dù giảm nhẹ, nhưng vẫn duy trì ở mức khá ổn định,

cho thấy công ty vẫn có khả năng sinh lời từ tài sản sử dụng.

**Đối với hệ số sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE):** Hệ số sinh lời của vốn chủ sở hữu là chỉ tiêu phản ánh khái quát nhất hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của công ty. Từ năm 2021 đến năm 2023, hệ số này tăng dần, từ 4,22% năm 2021 tăng lên 4,81% năm 2022 và vào năm 2023 là 6,10%. Sự tăng này cho thấy công ty đang có hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu, và tỷ lệ sinh lời so với vốn chủ sở hữu ngày càng tăng, điều này có thể là kết quả của việc tăng cường hoạt động kinh doanh hoặc cải thiện trong quản lý tài chính. Công ty sử dụng hiệu quả đồng vốn của cổ đông, có nghĩa là công ty đã cân đối một cách hài hòa giữa vốn cổ đông với vốn đi vay để khai thác lợi thế cạnh tranh của mình trong quá trình huy động vốn, mở rộng quy mô.

**Bảng 2. Khả năng thanh toán tại giai đoạn 2021 - 2023**

DVT: Triệu đồng, lần

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng tài sản	194.872	280.752	292.072
2. Nợ phải trả	111.995	162.284	169.809
3. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát = (1)/(2)	1,74	1,73	1,72
4. Tài sản ngắn hạn	153.681	235.092	232.527
5. Nợ ngắn hạn	57.559	89.050	173.528
6. Hệ số khả năng thanh toán hiện hành = (4)/(5)	2,67	2,64	1,34
7. Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	27.053	7.124	88.499

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Các chỉ số về khả năng thanh toán tại bảng 2 cho thấy:

Giai đoạn 2021-2023, hệ số này đều mang số dương và lớn hơn 1 và có xu hướng giảm dần, năm 2021 là 1,74 lần; năm 2022 là 1,73 lần và năm 2023 là 1,72 lần. Cho thấy công ty có nhiều khả năng thanh toán được hết các khoản nợ. Mặt khác, hệ số này không quá cao và nhìn vào tỷ trọng giữa khoản nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn, cho thấy Công ty đang sử dụng tài sản có hiệu quả.

Nhìn vào dữ liệu tính toán ở bảng 2 có thể thấy, hệ số khả năng thanh toán hiện hành

luôn lớn hơn 1 và biến động giảm dần qua các năm từ 2,67 lần năm 2021 xuống còn 1,34 lần năm 2023, điều này có thể khẳng định tài sản ngắn hạn của công ty đủ để trả cho các khoản nợ ngắn hạn mà không cần phải bán hàng tồn kho.

Các chỉ số này giảm nhẹ qua từng năm là do thỏa thuận với các đối tác là nhà cung cấp xây dựng hạn mức nợ phù hợp, cũng như công ty áp dụng chính sách biên giãn nợ rộng ngày nợ và sử dụng chiết khấu giúp cho dòng tiền luân chuyển phù hợp hơn với tình hình bán hàng cũng như thanh toán công nợ.

**Bảng 3. Tỷ suất thuế trên tổng vốn giai đoạn 2021 - 2023**

DVT: Triệu đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng mức nộp	32.305	29.823	37.088
2	Tổng vốn	103.244	111.697	109.211
3	Tỷ suất thuế trên tổng tài sản (%)	31,29	26,70	33,96

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Số liệu bảng 3 có thể thấy hàng năm mức đóng góp vào ngân sách Nhà nước của công ty là cao, và có sự biến động giữa các năm, cao nhất là năm 2023 với tỷ suất là 33,96%%, thấp nhất vào năm 2021 với 26,70%.

Cụ thể, năm 2021 với 1 đồng vốn tham gia vào sản xuất kinh doanh thì tạo ra 0,312 đồng thuế để đóng góp vào ngân sách Nhà nước; năm 2022 với 1 đồng vốn tham gia vào

sản xuất kinh doanh thì tạo ra 0,267 đồng thuế để đóng góp vào ngân sách nhà nước; năm 2023 với 1 đồng vốn tham gia vào sản xuất kinh doanh thì tạo ra 0,339 đồng thuế để đóng góp vào ngân sách Nhà nước.

Mặt khác, tỷ suất này cao cho thấy công ty tuân thủ tốt các quy định về thuế của doanh nghiệp với pháp luật thuế và các cơ quan có liên quan.

**Bảng 4. Hiệu suất sử dụng lao động giai đoạn 2021 - 2023**

DVT: Triệu đồng, người

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2022
1. Tổng doanh thu	368.709	335.227	375.454
2. Tổng số lao động	246	250	250
3. Hiệu suất sử dụng lao động = (1)/(2)	1.499	1.341	1.502

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng lao động qua bảng 4 có sự biến động tăng giảm qua các năm. Chỉ tiêu này càng cao cho thấy vấn đề sử dụng nguồn lao động tại công ty có hiệu quả tốt, năm 2021 hiệu suất sử dụng lao động là 1.499 triệu đồng/người có ý nghĩa cứ 1 lao động thì làm ra 1.499 triệu đồng doanh thu; năm 2022 hiệu suất sử dụng lao động là

1.341 triệu đồng/người có ý nghĩa cứ 1 lao động thì làm ra 1.341 triệu đồng doanh thu, đây là mức thấp nhất trong cả 3 năm; và năm 2023 cứ 1 lao động thì làm ra 1.502 triệu đồng doanh thu. Cả giai đoạn thì tiêu này có xu hướng tăng dần, cho thấy vấn đề sử dụng nguồn lao động ở công ty có hiệu quả tốt.

**Bảng 5. Hiệu suất tiền lương giai đoạn 2021-2023**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Doanh thu thuần	368.709	335.227	375.454
2. Tổng quỹ lương	2.950	2.558	3.465
3. Hiệu suất tiền lương = (1)/(2)	124,99	131,05	108,36

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Chỉ tiêu hiệu suất tiền lương cho biết để thực hiện một đồng doanh thu bán hàng thì cần chi bao nhiêu đồng lương. Chỉ tiêu này phản ánh mức doanh thu đạt được trên một đồng chi phí tiền lương.

Qua bảng 5 có thể thấy chỉ tiêu hiệu suất tiền lương của công ty có giá trị ngày càng lớn và tăng dần đều, chứng tỏ hiệu quả sử dụng lao động càng cao.

### **2.3. Đánh giá chung về hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông**

#### **2.3.1. Những kết quả đạt được:**

Khả năng tài chính có xu hướng tốt lên, công ty có thể đảm bảo thanh toán được các khoản nợ khi đến hạn. Khả năng đáp ứng nhu cầu thanh toán tất cả các khoản nợ ngắn và dài hạn cho các cá nhân, tổ chức có quan hệ cho vay hoặc nợ chứng tỏ công ty có năng lực tài chính tốt, đảm bảo khả năng chi trả tốt các khoản nợ của mình.

Công ty đạt được tỷ lệ tương đối về tổng doanh thu, tổng lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách Nhà nước đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế đất nước, tạo công ăn việc làm cho người lao động cùng với sự phát triển công nghệ mới trong quá trình tạo nên một bước mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Công ty sử dụng và quản lý tài sản cố định có hiệu quả, chính sách quản lý bán hàng, quản lý công nợ có hiệu quả.

#### **2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân:**

Hiệu suất sử dụng tiền lương qua các năm đều lớn hơn 1 chứng tỏ hiệu suất sử dụng tiền lương lao động của công ty cũng tương đối cao, tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều vấn đề còn hạn chế cần khắc phục, trong thời gian tới công ty cần có giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động hơn nữa, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mặc dù lợi nhuận của công ty luôn được duy trì nhưng vẫn còn biến động thất thường, chưa ổn định.

### **3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông**

#### **3.1. Nâng cao khả năng sinh lời của công ty**

Tập trung phát triển loại hàng thuốc bảo vệ thực vật, tiêu thụ nhiều hàng hoá, hoặc là sản xuất ra các loại hàng hoá tốt hơn trước đây để có thể bán được nhiều hàng, hoặc là bán hàng hóa cao hơn giá trước đây.

Đẩy mạnh công tác marketing trong việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu nguồn thuốc bảo vệ thực vật, hoặc nghiên cứu sản xuất ra sản phẩm chất lượng hơn.

Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm.

#### **3.2. Hoàn thiện công tác quản trị tài chính**

Kiểm soát tốt chi phí mua nguyên vật liệu, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng.

Tiếp tục duy trì công tác thực hành tiết kiệm, tối ưu từng loại chi phí và triển khai các giải pháp tài chính nhằm giảm thiểu chi phí, tăng hiệu quả kinh doanh.

Cần đào tạo đội ngũ chuyên gia quản lý tài chính có năng lực, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động kinh doanh và xây dựng hệ thống thông tin quản lý tài chính hiệu quả để có thể quản lý được tốt các dòng tiền ngày một phát sinh lớn.

Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, vì đây là công tác thiết thực và không thể thiếu trong việc quản trị tài chính của một doanh nghiệp. Đặc biệt, trong bối cảnh vay vốn khó khăn, kinh doanh không thuận lợi như hiện nay, việc kiểm soát tiền mặt càng trở nên quan trọng.

Chủ động theo dõi tình hình giá, thương lượng, ký kết các hợp đồng mua bán với nhà cung cấp thân tín, đề phòng trường hợp giá nguyên liệu đầu vào tăng quá cao, vượt mức an toàn. Đồng thời, kết hợp xây dựng kế hoạch hàng tồn kho hợp lý để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 3.3. Nâng cao tính thanh khoản của tài sản ngắn hạn

Cần xây dựng quy trình quản lý và thu hồi công nợ; theo dõi chi tiết các khoản phải thu, phân loại chi tiết các khoản nợ theo quy mô nợ và thời gian nợ; Gắn kết trách nhiệm thu hồi nợ đối với nhân viên kinh doanh và kế toán công nợ; Định kỳ 6 tháng một lần, tiến hành đối chiếu và gửi biên bản đối chiếu công nợ với khách hàng, đôn đốc thu hồi đối với nợ dầy dụa, kéo dài.

Chủ động xây dựng phương án mua hàng có chọn lọc ngay từ lúc mua vào, để tìm nguồn cung cấp hàng hóa nhằm làm cho việc sản xuất thuận lợi nhất, đáp ứng các yêu cầu chất lượng, số lượng và giá cả hợp lý; Tổ chức tốt công tác dự trữ hàng hóa, phù hợp với nhu cầu kinh doanh thực tế nhằm làm giảm số hàng tồn kho tối thiểu, tránh tình trạng ứ đọng vốn.

Đảm bảo lượng tiền mặt nhất định để thanh toán các khoản vay gần đến hạn. Kể cả khoản nợ chưa đến hạn cũng cần đề phòng rủi ro từ phía chủ nợ cần thanh toán gấp,

doanh nghiệp cũng cần dự trữ tiền mặt để thanh toán.

### 3.4. Tăng cường hoạt động marketing

Để làm tốt công tác marketing đòi hỏi các nhân viên phải có năng lực, có khả năng giao tiếp tốt, có đầu óc nhạy bén. Công ty cũng cần tạo ra những cơ chế nhằm phát huy tính sáng tạo, năng động của các nhân viên hoạt động trong lĩnh vực này.

Công ty phải nhận thức được tầm quan trọng của marketing, vì đây là công cụ hỗ trợ rất đắc lực cho quá trình tiêu thụ sản phẩm của công ty nhằm nâng cao doanh thu, nâng cao lợi nhuận, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Văn Dược (2007). *Phân tích hoạt động kinh doanh*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thống kê.
- [2] Phạm Vũ Luận (2001). *Giáo trình quản trị doanh nghiệp thương mại*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia.
- [3] Công ty trách nhiệm hữu hạn Tập đoàn An Nông (2023). *Báo cáo kết quả hoạt động giai đoạn 2021 - 2023*.
- [4] Gupta, M. C (1969). The Effect of Size, Growth, and Industry on the Financial Structure of Manufacturing Companies. *Journal of Finance*.
- [5] Samuelson, P. A., & Nordhaus. W. (1991), *Giáo trình kinh tế học (bản dịch Tiếng Việt)*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tài chính.
- [6] Samuelson, P. A. (1948). *Economics: An Introductory Analysis*. London: McGraw-Hill.
- [7] Smith, A. (1776). *The Wealth of Nations*. London.
- [8] Zeitun, R., & Tian, G. G. (2007). Capital Structure and Corporate Performance: Evidence from Jordan. *The Australasian Accounting Business & Finance Journal*. 1(4), 40-61.

**Ngày nhận bài: 17/8/2024**

**Ngày phản biện: 30/8/2024**

**Ngày duyệt đăng: 25/9/2024**